TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1835/2019/QĐST-HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 11 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 2128/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1976;
Địa chỉ: 37/14, khu phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1976;
Địa chỉ: 37/14, khu phố 8, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 11 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Trần Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Trần Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao các cháu Trần Thủy Hướng D, sinh ngày 08/10/2002; Trần Mạnh Đ, sinh ngày 28/10/2005 cho ông Trần Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao các cháu Trần Thủy Trúc N, sinh ngày 02/8/2009 và Trần Hữu P, sinh ngày 10/7/2017 cho bà Nguyễn Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Trần Văn T

có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con đối với cháu Hướng D và Mạnh Đ số tiền 2.000.000đ/tháng/một cháu.

Đối với cháu Trần Thủy Trúc T, sinh ngày 11/3/2001 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T, bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí HNGĐ-ST: Bà Nguyễn Thị Thu T tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí ly hôn và 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí cấp dưỡng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000437 ngày 04/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THA dân sự thành phố Biên Hòa;
- UBND phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa (Giấy CNKH số 16, quyển số 01/2001, ngày 13/02/2001);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trương Thị Thảo